



zāng yī lán

脏衣篮

noun · laundry basket

Example Sentence

tā bǎ huàn xià de wà zi rēng jìn zāng yī lán lǐ
他把换下的袜子扔进脏衣篮里。

He threw his worn socks into the laundry basket.

Trace each character, then write the word on your own.

脏	脏	脏	脏	脏	脏	脏	脏	脏	脏	脏
脏	脏									
衣	衣	衣	衣	衣	衣	衣	衣	衣		
篮	篮	篮	篮	篮	篮	篮	篮	篮	篮	篮
篮	篮	篮	篮	篮	篮	篮	篮			